suàn fǎ

算法

noun · algorithm

Example Sentences

Zhè ge suàn fǎ hěn jiǎn dān
这个算法很简单。
This algorithm is very simple.

Chéng xù yuán gǎi jìn le suàn fǎ
程序员改进了算法。
The programmer improved the algorithm.

suàn fǎ jué dìng le sōu suǒ jié guǒ de shùn xù
算法决定了搜索结果的顺序。
The algorithm determines the order of search results.

Trace each character, then write the word on your own.